

Vietnam Daily Review

Bật tăng sau rung lắc đầu phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/9/2020		•	
Tuần 31/8-4/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi rung lắc nhẹ quanh tham chiếu đầu phiên, VNINDEX đã có tín hiệu tích cực, bật tăng và kết thúc phiên giao dịch đầu tiên của tháng 9 trong sắc xanh. Dòng tiền đầu tư tăng mạnh trở lại khi có 17/19 nhóm ngành tăng điểm, trong đó hai nhóm ngành Du lịch và Giải trí, và Bảo hiểm tiếp tục dẫn đầu thị trường với mức tăng mạnh nhất. Mặc dù vậy, khối ngoại vẫn khá tiêu cực khi tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX, giá trị bán ròng phiên hôm nay có sự giảm nhẹ so với phiên hôm trước. Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức cao, trong khi đó, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư tương đối lạc quan về thị trường. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex vẫn sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn, tuy nhiên vẫn có thể điều chỉnh một vài phiên trước khi hướng tới khu vực 900 điểm, mức đỉnh đã thiết lập hồi tháng 6 trước đó.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 835 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_2.0%

Phân tích kỹ thuật: VGT_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +10.08 điểm, đóng cửa 891.73. HNX-Index +0.56 điểm, đóng cửa 125.41.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+3.02); VNM (+1.04); BCM (+0.73); GAS (+0.65); BID (+0.45).
- Kéo chỉ số giảm: NVL (-0.21); MSN (-0.13); KDC (-0.04); SAB (-0.03); DHG (-0.03).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,590 tỷ đồng, -18.78% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.72 điểm. Thị trường có 276 mã tăng, 55 mã tham chiếu và 129 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -192.28 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VCB (-88.2 tỷ), HPG (-62.9 tỷ) và VHM (-62.6 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.37 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **891.73**
Giá trị: 4590.86 tỷ 10.08 (1.14%)
Khối ngoại (ròng): -192.28 tỷ

HNX-INDEX **125.41**
Giá trị: 467.76 tỷ 0.56 (0.45%)
Khối ngoại (ròng): -2.37 tỷ

UPCOM-INDEX **58.80**
Giá trị: 0.38 tỷ -0.02 (-0.03%)
Khối ngoại (ròng): -4.8 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	43.1	1.17%
Giá vàng	1,989	1.08%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,696	0.24%
Tỷ giá JPY/VND	21,913	0.18%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	29.54%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.40%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	63.0	VCB	-88.2
BVH	13.2	HPG	-62.9
GEX	12.2	VHM	-62.6
GAS	11.2	MSN	-46.1
VNM	9.5	BID	-14.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	2.0%	0.3%	2.0%	15.5%	15.5%	20.8%	36.6%
Lãi suất giảm	1.9%	0.3%	1.9%	14.1%	14.1%	10.6%	34.5%
Corona Avengers	1.7%	2.1%	1.7%	10.5%	10.5%	6.4%	38.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.6%	-1.1%	1.6%	17.1%	17.1%	18.0%	33.3%
Dầu khí	1.6%	1.5%	1.6%	9.8%	9.8%	-16.0%	42.0%
FTSE Việt Nam	1.5%	2.1%	1.5%	6.7%	6.7%	-4.7%	27.1%
Hàng tiêu dùng	1.4%	0.5%	1.4%	12.6%	12.6%	3.3%	31.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.3%	1.9%	1.3%	7.3%	7.3%	-7.1%	27.0%
Nước & Năng lượng	1.2%	0.5%	1.2%	13.9%	13.9%	2.4%	28.0%
Đầu tư công	1.2%	1.8%	1.2%	16.6%	16.6%	10.0%	30.5%
VN Diamond	1.1%	0.8%	1.1%	10.9%	10.9%	-8.8%	33.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	0.6%	1.0%	12.9%	12.9%	-4.5%	32.1%
VN FinSelect	1.0%	0.6%	1.0%	7.7%	7.7%	-4.0%	31.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.9%	1.1%	0.9%	11.4%	11.4%	-1.0%	29.4%
Chiến tranh thương mại	0.9%	0.0%	0.9%	15.8%	15.8%	0.2%	32.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	0.2%	0.8%	9.8%	9.8%	3.1%	32.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.8%	0.4%	0.8%	7.9%	7.9%	-4.0%	33.7%
Ngân Hàng	0.7%	0.4%	0.7%	14.2%	14.2%	4.3%	35.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.6%	0.3%	0.6%	10.9%	10.9%	-11.0%	34.8%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	0.2%	0.6%	12.7%	12.7%	10.1%	30.4%
Xây dựng	0.5%	-0.8%	0.5%	14.8%	14.8%	6.1%	32.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	-0.1%	0.5%	11.0%	11.0%	13.5%	22.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	0.7%	0.5%	10.3%	10.3%	-3.2%	30.3%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	-0.7%	0.2%	12.8%	12.8%	3.3%	23.3%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	-0.2%	0.2%	14.3%	14.3%	1.2%	26.7%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	1.6%	1.7%	1.6%	10.0%	10.0%	-11.2%	33.3%
S11	1.5%	1.4%	1.5%	12.2%	12.2%	11.4%	28.1%
M31	1.3%	1.7%	1.3%	13.9%	13.9%	-1.1%	33.1%
S32	1.2%	0.2%	1.2%	10.5%	10.5%	-10.5%	36.3%
S21	0.9%	0.7%	0.9%	12.1%	12.1%	-3.1%	30.0%
M12	0.8%	0.2%	0.8%	9.3%	9.3%	-2.5%	27.7%
L11	0.8%	0.4%	0.8%	10.7%	10.7%	-1.8%	26.7%
M22	0.7%	0.2%	0.7%	10.3%	10.3%	4.5%	28.1%
L22	0.6%	0.4%	0.6%	11.4%	11.4%	-5.5%	30.2%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.6%	1.5%	1.6%	10.9%	10.9%	-3.8%	30.8%
MID1	1.5%	1.0%	1.5%	14.6%	14.6%	10.6%	27.8%
LOW1	0.6%	0.1%	0.6%	7.0%	7.0%	-4.0%	27.9%

INDEX							
VNINDEX	1.1%	1.5%	1.1%	8.1%	8.1%	-7.2%	26.5%
VN30INDEX	1.0%	1.2%	1.0%	8.0%	8.0%	-5.4%	27.8%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	10	15	5	20	10	15
Mục tiêu	9	4	5	2	7	4	5
Rủi ro	3	2	1	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 1/9

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.90	0.68%	-1.00%	5.70%	-15.83%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.62	0.75%	-1.40%	4.00%	-22.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	122.08	0.58%	-3.80%	10.90%	-14.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1974.08	0.32%	2.40%	-0.10%	32.62%		PNJ
Bạc	USD/ounce	28.30	0.56%	6.70%	16.00%	62.23%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	946.75	-0.71%	2.90%	6.10%	1.50%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	549.75	-0.45%	2.70%	2.00%	11.79%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.77	0.05%	0.80%	-5.00%	15.75%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	184.37	0.31%	#DIV/0!			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.66	0.48%	-0.40%	4.50%	-0.71%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	129.05	2.14%	7.40%	9.10%	17.75%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6667.00	0.69%	2.70%	3.00%	18.63%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	551.57	0.41%	1.90%	6.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1800.00	1.07%	2.00%	4.30%	2.92%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.27	-0.03%	3.60%	14.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.75	1.64%	6.60%	-5.30%	-31.09%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 31/8, dầu thô Brent giảm 53 US cent tương đương 1.2% xuống 45.28 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 36 US cent tương đương 0.8% xuống 42.61 USD/thùng.
- Giá dầu chịu áp lực giảm khi các nền kinh tế lớn trên thế giới hồi phục chậm chạp từ các hạn chế virus corona và thị trường có thể vẫn dư cung nhiên liệu. Đồng thời, sản lượng dầu của Mỹ trong tháng 6/2020 tăng 420,000 thùng/ngày lên 10.44 triệu thùng/ngày gây áp lực đối với giá dầu, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,967.68 USD/ounce, trong phiên có lúc đạt 1,976.14 USD/ounce – cao nhất kể từ ngày 19/8/2020. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,978.6 USD/ounce.
- Đồng USD giảm xuống mức thấp nhất hơn 2 năm, chịu áp lực giảm bởi chính sách mục tiêu lạm phát trung bình mới nhất của Fed, điều này cho phép lãi suất duy trì ở mức thấp ngay cả khi lạm phát tăng. Lãi suất thấp đã hỗ trợ giá vàng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 2.6% lên 844.5 CNY (123.16 USD)/tấn, trong phiên có lúc tăng 4.5%. Tính chung cả tháng, giá quặng sắt tăng 9.3%.
- Trên sàn Thượng Hải giá thép không gỉ kỳ hạn tháng 11/2020 tăng 1.3% lên 15,320 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 1.7% lên 3,762 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 2.7 US cent tương đương 2.1% lên 1.2905 USD/lb, cao nhất kể từ ngày 2/1/2020.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.06 US cent tương đương 0.5% lên 12.66 US cent/lb.

	1/9	% 1/9	31/8	% 31/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	891.73	1.14%	881.65	0.30%	2.01%	11.69%
S&P 500			3500.31	-0.22%	2.01%	7.83%
HĐTL S&P500	3508.50	0.27%	3499.00	-0.16%	1.90%	7.51%
Shang- hai	3410.61	0.44%	3395.68	-0.24%	1.10%	3.04%
Euro Stoxx	3285.55	0.40%	3272.51	-1.30%	-1.33%	3.50%

Phân tích kỹ thuật

VG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập.

Nhận định: VGT đang xác lập lại ngưỡng hỗ trợ tại ngưỡng giá 8.0. Thanh khoản cổ phiếu đã duy trì tại ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD đang chỉ đến xu hướng tích lũy. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung hạn tư có thể mở vị thế ở mốc giá 8.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 9.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 7.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

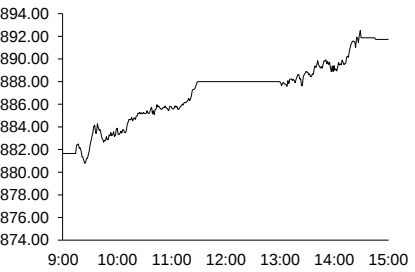
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.52%
Y tế	-0.01%
Xây dựng và Vật liệu	0.15%
Viễn thông	0.37%
Tài nguyên Cơ bản	0.67%
Ngân hàng	0.72%
Bán lẻ	0.73%
Thực phẩm và đồ uống	0.76%
Công nghệ Thông tin	0.83%
Dầu khí	0.89%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.89%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.17%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.18%
Ô tô và phụ tùng	1.25%
Dịch vụ tài chính	1.46%
Bất động sản	1.57%
Hóa chất	1.70%
Bảo hiểm	2.08%
Du lịch và Giải trí	2.44%

Hình 1

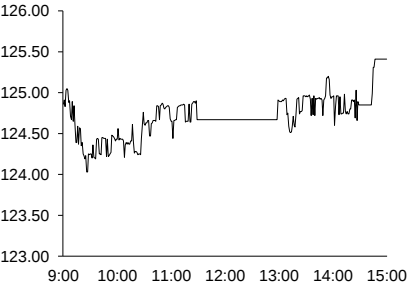
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

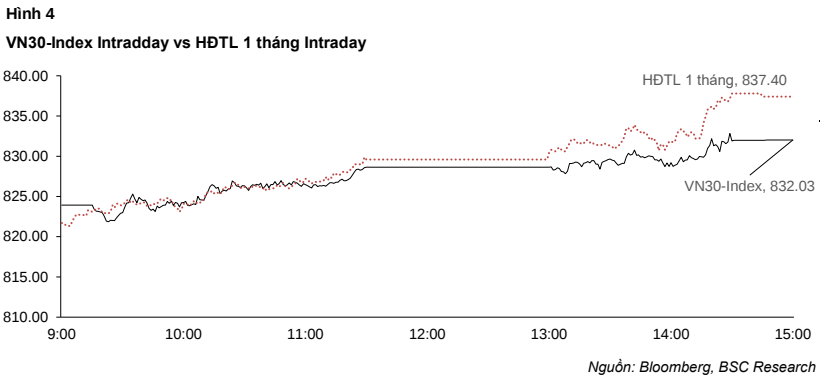
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/31/2020	VJC	103	112	100	105.5	1	2.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.4	4	-0.85%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	25.1	5	-1.18%	Có thể tiếp tục mua
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	17.55	6	2.33%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	93.8	7	7.08%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.15	11	2.53%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14.1	12	5.22%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105	15	6.71%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	75.4	20	5.90%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.1	21	7.93%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	45.1	22	1.58%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.13	26	10.27%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	26.5	28	14.97%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	75	29	11.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.15	62	2.73%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.6	69	6.22%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.8	75	13.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.7	77	5.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.7	88	4.03%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	TP	29	13.27%
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	TP	34	30.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	17	2	6.43%	-1.01%	5.64%	30
Cổ phiếu đã chốt	21	22	11.22%	-8.34%	1.21%	14

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	837.40	1.61%	5.37	2.5%	143,785	9/17/2020	17
VN30F2010	833.00	1.71%	0.97	-7.0%	361	10/15/2020	45
VN30F2012	830.90	1.74%	-1.13	86.1%	67	12/17/2020	108
VN30F2103	830.00	1.57%	-2.03	141.5%	99	3/18/2021	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 8.1 điểm lên mức 832.03 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VNM, TCB, VJC và HPG tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp cận ngưỡng 840 điểm vào những phiên tới.
- Tất cả các HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Chỉ có duy nhất VN30F2010 giảm về khối lượng giao dịch. Xét về vị thế mở, VN30F2009 và VN30F2103 tăng trong khi VN30F2010 và VN30F2012 giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 835 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2002	12/16/2020	106	5:1	770,970	33.45%	3,200	1,360	46.24%	700	1.94	155,285	139,285	123,200
CPNJ2007	11/20/2020	80	5:1	452,660	39.38%	1,670	2,230	21.86%	1,952	1.14	61,350	53,000	61,000
CSTB2008	11/20/2020	80	1:1	322,930	43.36%	1,500	1,880	18.99%	1,597	1.18	11,700	10,200	11,300
CVNM2009	11/20/2020	80	10:1	1,000,060	33.45%	1,810	2,280	16.33%	1,955	1.17	125,100	107,000	123,200
CHPG2009	10/29/2020	58	2:1	142,530	38.42%	1,600	4,180	8.01%	1,498	2.79	25,700	22,500	24,800
CHPG2002	12/16/2020	106	2:1	191,800	38.42%	1,700	1,830	6.40%	306	5.98	33,399	29,999	24,800
CHPG2006	9/16/2020	15	2:1	89,510	38.42%	1,500	4,150	5.87%	1,435	2.89	25,022	22,022	24,800
CHPG2014	4/19/2021	230	1:1	46,720	38.42%	7,200	7,130	5.32%	2,624	2.72	33,700	26,500	24,800
CHPG2016	1/14/2021	135	2:1	131,460	38.42%	2,200	2,680	4.69%	729	3.67	31,900	27,500	24,800
CHDB2006	10/8/2020	37	2:1	148,620	40.17%	2,180	2,240	4.67%	2,063	1.09	29,060	24,700	28,500
CMWG2009	10/23/2020	52	8:1	323,350	41.51%	1,600	1,820	4.60%	1,715	1.06	94,800	82,000	93,800
CHPG2011	10/20/2020	49	2:1	210,600	38.42%	2,350	2,880	3.97%	641	4.49	29,900	25,200	24,800
CHPG2005	10/1/2020	30	1:1	28,720	38.42%	2,100	11,450	3.90%	5,880	1.95	21,100	19,000	24,800
CFPT2003	11/9/2020	69	1:1	37,540	33.03%	7,300	11,300	3.57%	3,023	3.74	57,300	50,000	49,900
CHPG2010	4/5/2021	216	4:1	276,900	38.42%	1,800	1,190	3.48%	215	5.53	40,300	33,100	24,800
CVHM2002	11/30/2020	90	1:1	98,870	38.72%	11,500	8,170	3.29%	7,316	1.12	88,500	77,000	78,700
CMWG2007	11/30/2020	90	1:1	42,070	41.51%	12,900	12,020	2.74%	11,930	1.01	99,900	87,000	93,800
CMBB2006	10/29/2020	58	2:1	788,270	36.32%	1,100	1,140	0.88%	1,042	1.09	18,700	16,500	18,100
CMSN2008	11/20/2020	80	5:1	261,020	33.71%	1,530	1,530	0.00%	989	1.55	60,650	53,000	54,600
CMWG2008	10/29/2020	58	10:1	260,680	41.51%	1,300	1,260	0.00%	1,176	1.07	98,000	85,000	93,800
Tổng				5,364,600	38.00%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 1/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.
- CVPB2009 và CPNJ2007 tăng mạnh lần lượt là 23.60% và 21.86%. Trái lại, CNVL2001 giảm mạnh -12.82%. Giá trị giao dịch tăng 26.62%. CVNM2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.23% thị trường.
- CMSN2004, CVNM2003, CVPB2006, CVRE2005, và CMWG2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CHPG2005, và CVNM2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	93.8	0.4%	1.3	1,846	4.1	8,348	11.2	3.0	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	61.0	1.7%	1.3	597	1.6	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	51.5	3.2%	1.4	1,662	3.9	1,640	31.4	1.9	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.3	-0.6%	0.4	324	0.0	2,651	12.6	1.1	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	92.7	3.0%	0.8	13,633	2.7	2,255	41.1	3.9	13.8%	9.3%
VRE	Bất động sản	27.3	0.9%	1.1	2,692	2.3	1,057	25.8	2.2	30.5%	8.9%
VHM	Bất động sản	78.7	0.3%	1.3	11,256	5.3	6,784	11.6	3.8	20.6%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.9	2.1%	1.4	223	0.9	658	15.0	0.8	35.9%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.1	1.3%	1.3	395	2.2	1,718	8.8	0.9	48.6%	10.7%
VCI	Chứng khoán	26.0	3.0%	1.0	185	0.8	4,110	6.3	1.1	28.9%	18.7%
HCM	Chứng khoán	18.8	1.3%	1.7	249	1.5	1,608	11.7	1.3	50.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	49.9	0.8%	0.8	1,701	3.8	4,280	11.7	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	49.1	0.6%	0.4	584	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.4	1.8%	1.4	6,274	2.8	5,169	14.6	2.8	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	52.9	0.8%	1.5	2,773	4.8	441	120.0	3.3	15.0%	3.2%
PVS	Dầu khí	12.8	1.6%	1.5	266	2.6	1,301	9.8	0.5	10.6%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.7	3.1%	0.8	903	0.4	898	7.5	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	104.8	-0.7%	0.6	596	0.0	5,044	20.8	4.3	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.6	0.3%	0.5	282	1.5	1,700	9.7	0.8	11.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.3	0.1%	0.5	214	0.4	709	13.1	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.0%	1.1	13,384	5.9	4,915	16.9	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	41.4	1.1%	1.3	7,240	3.8	2,132	19.4	2.2	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	26.2	1.8%	1.2	4,233	5.4	2,995	8.7	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.4	0.2%	1.2	2,480	5.3	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	18.1	0.8%	1.0	1,898	4.0	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.1	-0.5%	1.0	1,983	7.2	2,884	7.3	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	56.9	1.6%	0.9	203	0.2	5,781	9.8	1.9	82.9%	19.5%
NTP	Nhựa	30.9	-1.6%	0.4	158	0.1	3,348	9.2	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.8	2.6%	0.3	680	0.0	356	44.4	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.8	1.0%	1.1	3,573	18.0	2,632	9.4	1.6	35.3%	18.1%
HSG	Thép	11.8	4.4%	1.5	228	7.5	1,767	6.7	0.9	10.0%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	123.2	1.8%	0.8	9,328	7.7	5,538	22.2	7.1	58.5%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	190.0	-0.8%	0.8	5,298	1.1	6,328	30.0	6.6	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.6	-0.7%	1.0	2,789	3.9	3,255	16.8	2.8	38.4%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.6	1.7%	0.8	372	1.9	561	26.0	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	58.1	0.2%	0.8	5,499	0.6	3,450	16.8	3.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	105.5	2.4%	1.1	2,403	3.1	3,465	30.4	3.7	17.8%	12.4%
HVN	Vận tải	26.5	3.1%	1.7	1,634	1.6	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	23.0	1.3%	0.9	297	0.7	1,377	16.7	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.9	2.6%	1.2	146	1.5	2,076	5.7	0.7	21.2%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	64.0	0.8%	1.0	432	0.3	8,104	7.9	3.0	3.1%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	21.7	0.9%	0.8	423	0.3	1,363	15.9	1.5	8.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.3%	1.0	259	0.9	1,937	8.1	1.1	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	75.0	-1.6%	1.1	249	2.9	8,467	8.9	0.7	46.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.7	1.1%	0.3	194	0.9	1,615	11.6	0.9	35.9%	8.0%
REE	Điện	37.0	0.3%	-1.4	499	0.5	4,780	7.7	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.7	2.6%	-0.4	136	0.4	2,178	9.0	0.8	16.5%	9.9%
POW	Điện	10.1	0.0%	0.6	1,023	1.2	925	10.9	0.8	11.2%	8.0%
NT2	Điện	22.8	0.7%	0.6	285	0.2	2,685	8.5	1.4	18.6%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.7	-0.4%	0.9	279	1.3	1,242	11.0	0.7	20.7%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	36.0	7%	0.9	1,618	0.2	#N/A	N/A	N/A	2.6	2.1% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	92.70	3.00	2.57	675310
VNM	123.20	1.82	1.08	1.45MLN
GAS	75.40	1.75	0.70	844110.00
BCM	35.95	6.99	0.69	131540
BID	41.40	1.10	0.51	2.12MLN

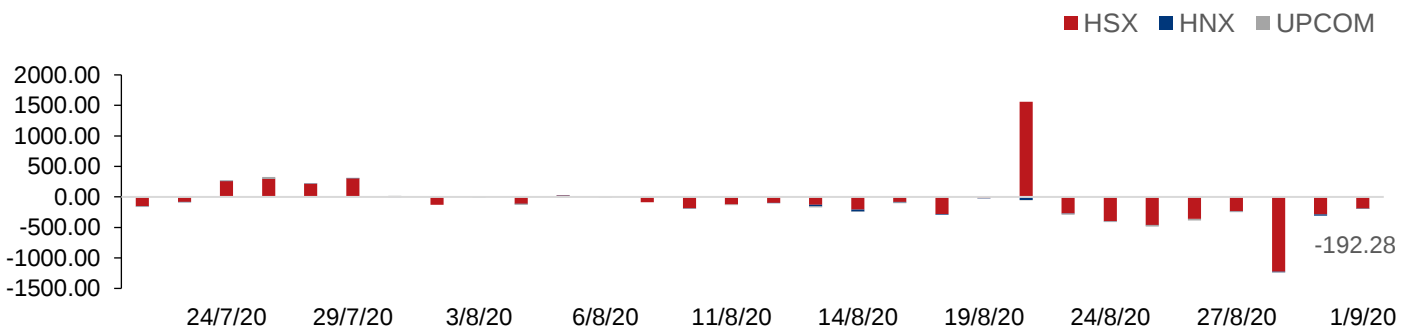
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.27	131710	1.11MLN
NVL	0.00	-0.22	1.15MLN	607060
MSN	0.00	-0.13	1.62MLN	373600
CTD	0.00	-0.03	875370.00	192700
DHG	0.00	-0.03	8770	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FLC	3.21	7.00	0.04	16.67MLN
BCM	35.95	6.99	0.69	131540
RIC	4.59	6.99	0.00	1550
DTA	4.44	6.99	0.00	26660
DGW	49.00	6.99	0.04	704330

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	7.35	-6.96	-0.02	3940
HAP	8.16	-6.96	-0.01	922520
HU1	5.89	-6.95	0.00	200.00
SII	16.85	-6.91	-0.02	40
EMC	17.60	-6.88	-0.01	410

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	93.8	8,348	11.2	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.1	885	9.2	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.7	5,512	7.0	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.5	1,948	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.8	2,632	9.4	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.7	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.4	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	45.9	9,642	4.8	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.6	3,255	16.8	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	38.7	4,666	8.3	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.8	1,767	6.7	0.9	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	45.1	5,479	8.2	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	1,902	13.9	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.8	2,632	9.4	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.7	3,103	7.0	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.0	4,629	13.2	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.0	4,105	25.6	9.0	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	9.9	658	15.0	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.2	1,721	12.3	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.5	7,132	3.1	1.2	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	23.6	5,224	4.5	1.1	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	49.0	4,739	10.3	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.0	4,915	16.9	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.1	2,884	7.3	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	38.7	5,512	7.0	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.6	5,872	9.8	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	49.9	4,280	11.7	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.0	1,377	16.7	1.1	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	1,242	11.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	190.0	6,328	30.0	6.6	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.5	1,948	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	123.2	5,538	22.2	7.1	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.5	1,407	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	93.8	8,348	11.2	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.6	2,088	8.4	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.8	5,044	20.8	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.9	2,076	5.7	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.0	4,629	13.2	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	35.1	4,313	8.1	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	208.9	14,782	14.1	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn